TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **227**/2023/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 07 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 330/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1973

Trú tại: CH2307 tòa B chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N.

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị Kim D, sinh năm 1977

Trú tại: CH2307 tòa B chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ **Cháu Nguyễn Phương T**, sinh năm 2004;

+ **Cháu Nguyễn Tú U**, sinh ngày 23/05/2010;

Người đại diện hợp pháp của cháu U là anh Nguyễn Anh T và chị Nông Thị Kim D;

Cùng trú tại: CH2307 tòa B chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh Nguyễn Anh T và chị Nông Thị Kim D xác nhận:

- Căn hộ 2307 tòa B Chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Căn hộ được anh chị mua năm 2013; Căn hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 059990 ngày 13/12/2014 đứng tên bà Nông Thị Kim D và ông Nguyễn Anh T.

- Về giá trị căn hộ: Anh Nguyễn Anh T và chị Nông Thị Kim D đã thống nhất giá trị của căn hộ Căn hộ 2307 tòa B Chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N là 2.300.000.000 đồng (*Hai tỷ ba trăm triệu đồng)* và đề nghị Tòa án quận

Cầu Giấy căn cứ mức giá 2.300.000.000 đồng để làm căn cứ giải quyết vụ án, anh chị không yêu cầu các cơ quan định giá tiến hành định giá căn hộ trên.

2.2 Anh T và chị D đã thỏa thuận phân chia căn hộ 2307 tòa B Chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N như sau:

a/ Giao căn hộ 2307 tòa B Chung cư G, phường Y, quận C, thành phố N cho chị Nông Thị Kim D quản lý, sử dụng.

b/ Chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T được hưởng ½ giá trị căn hộ là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Các bên thống nhất thỏa thuận lộ trình thanh toán số tiền trên như sau:

- Chậm nhất ngày 30/7/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).*

- Chậm nhất ngày 30/08/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).*

- Chậm nhất ngày 30/9/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).*

- Chậm nhất ngày 30/10/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).*

- Chậm nhất ngày 30/11/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).*

- Chậm nhất ngày 30/12/2023, chị Nông Thị Kim D phải thanh toán cho anh Nguyễn Anh T số tiền còn lại là 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).*

Toàn bộ số tiền trên được thanh toán vào tài khoản của anh Nguyễn Anh T có thông tin như sau:

+ Số tài khoản: 1502207000067;

+ Mở tại: Ngân hàng Agriabank V;

+ Chủ tài khoản: Nguyễn Anh T.

Chị Nông Thị Kim D có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ sau khi đã hoàn thành xong nghĩa vụ thanh toán trên.

Trường hợp chị Nông Thị Kim D vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên thì anh Nguyễn Anh T có quyền yêu cầu các cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc chị Dung phải thanh toán toàn bộ số tiền chưa thanh toán cho anh Nguyễn Anh T.

2.3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T và chị Nông Thị Kim D mỗi người phải chịu **19.500.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí

dân sự có giá ngạch về việc giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Số tiền án phí anh Nguyễn Anh T phải nộp được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Anh T đã nộp tại biên lai số AA/2020/0017501 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Sau khi đối trừ, anh Nguyễn Anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 10.500.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Số tiền án phí chị Nông Thị Kim D phải nộp được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng tạm ứng án phí chị Nông Thị Kim D đã nộp tại biên lai số AA/2020/0017513 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Sau khi đối trừ, chị Nông Thị Kim D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 14.250.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm năm mười nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q.Cầu Giấy;*
- *Chi cục THADS Q.Cầu Giấy;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Ngân